

UBND XÃ CHÂU SƠN

TỔNG HỢP CÁC MẪU BIỂU QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 221 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Châu Sơn)

STT	Phụ biểu	Nội dung
I	Các phụ biểu theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/03/2017 của Chính Phủ	
1	Biểu mẫu số 48	QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
2	Biểu mẫu số 50	QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
3	Biểu mẫu số 51	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
4	Biểu mẫu số 52	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
5	Biểu mẫu số 54	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
6	Biểu mẫu số 61	QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Châu Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So Sánh (%)	
				Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	137.171.818.039	137.170.293.374	-1.524.665	99,999
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	435.000.000	433.475.335	-1.524.665	99,650
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	435.000.000	433.475.335	-1.524.665	99,650
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân				
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	130.892.061.486	130.892.061.486		100,000
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	84.412.000.000	84.412.000.000		100,000
-	Thu TC bổ sung thực hiện cải cách tiền				
-	Thu bổ sung có mục tiêu	46.480.061.486	46.480.061.486		100,000
III	Thu từ các khoản cho vay của nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước	5.844.756.553	5.844.756.553		100,000
VI	Các khoản huy động, đóng góp				
B	TỔNG CHI NSDP		130.038.704.099	130.038.704.099	
I	Tổng chi cân đối NSDP		101.571.760.060	101.571.760.060	
1	Chi đầu tư phát triển	6.007.571.000	4.926.552.000	-1.081.019.000	82,006
2	Chi thường xuyên	123.106.015.266	96.645.208.060	-26.460.807.206	78,506
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
6	Dự phòng ngân sách				
II	Chi các chương trình mục tiêu	21.576.000.000	12.260.157.980	12.260.157.980	56,823
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	21.576.000.000	12.260.157.980	12.260.157.980	56,823
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
III	Chi chuyển nguồn năm sau		16.188.236.059		
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên		18.550.000	18.550.000	
V	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới				
VIII	Các nhiệm vụ chi khác				
C	KẾT DƯ NSDP NĂM 2025		7.131.589.275		
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP				
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi,				
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP				
I	Vay để bù đắp bội chi				
II	Vay để trả nợ gốc				
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP				

**QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Châu Sơn)

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán		So sánh(%)	
		NSNN	NSDP	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN(A+B+C+D+E)	137.856.818.039	137.856.818.039	159.275.745.228	137.170.293.374	115,54	99,50
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	560.000.000	560.000.000	22.520.377.189	433.475.335	4021,50	77,41
I	Thu nội địa	560.000.000	560.000.000	22.520.377.189	433.475.335	4021,50	77,41
1	Thu từ khu vực DNNN do TW						
-	Thuế giá trị gia tăng						
	Tr.đó: Từ hoạt động thăm dò và khai						
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Tr.đó: Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng						
-	Thuế tài nguyên						
	Tr.đó: - Tài nguyên dầu, khí (không						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa			817.261.974			
-	Thuế giá trị gia tăng			787.261.974			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			30.000.000			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
-	Thuế tài nguyên						
-	Thuế môn bài						
-	Thu khác						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	240.000.000	240.000.000	19.323.337.068	48.946.045	8051,39	20,39
-	Thuế giá trị gia tăng	240.000.000	240.000.000	19.271.753.424	48.946.045	8029,90	20,39
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			51.583.644			

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán		So sánh(%)	
		NSNN	NSDP	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
-	Thuế tài nguyên						
-	Thuế môn bài						
-	Thu khác						
5	Thuế thu nhập cá nhân	125.000.000	125.000.000	337.693.176		270,15	0,00
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	85.000.000	85.000.000	686.758.744	106.243.577	807,95	124,99
8	Phí, lệ phí	68.000.000	68.000.000	67.101.000	46.744.000	98,68	68,74
-	Phí, lệ phí TW			20.357.000			
-	Phí, lệ phí tỉnh						
-	Phí, lệ phí huyện						
-	Phí, lệ phí xã, phường	68.000.000	68.000.000	46.744.000	46.744.000	68,74	68,74
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			692.813	692.813		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			736.862.000			
12	Tiền sử dụng đất			202.425.500			
13	Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
-	Thuế giá trị gia tăng						
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
-	Thuế tài nguyên						
-	Thu từ thu nhập sau thuế						
-	Thu khác						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng						
16	Thu khác ngân sách	42.000.000	42.000.000	348.244.914	230.848.900	829,15	549,64
17	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa						
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước						

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán		So sánh(%)	
		NSNN	NSDP	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP
II	Thu về dầu thô						
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập						
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu						
5	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập						
6	Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập						
7	Thu khác						
8	Hoàn thuế GTGT						
IV	Thu Viện trợ						
V	Các khoản nhân dân đóng góp						
B	THU HỒI TỬ QUỸ DỰ TRỮ TÀI						
C	THU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	130.892.061.486	130.892.061.486	130.892.061.486	130.892.061.486	100,00	100,00
D	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH						
E	THU TỪ CẤP DƯỚI NỘP LÊN			18.550.000			
F	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	5.844.756.553	5.844.756.553	5.844.756.553	5.844.756.553	100,00	100,00

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Châu Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2/1	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (không tính chi trả nợ gốc tiền vay)	124.608.172.946	130.038.704.099	104,358	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	103.625.015.266	101.571.760.060	98,019	
I	Chi đầu tư phát triển				
1	Chi đầu tư cho các dự án				
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>				
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Chi các hoạt động kinh tế				
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng,				
-	Chi văn hoá thông tin				
-	Chi bảo đảm xã hội				
-	Chi cho ngân hàng chính sách xã hội				
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
-	Chi từ nguồn vốn tập trung ngân sách				
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	101.530.015.266	101.571.760.060	100,041	
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	53.236.353.100	52.051.418.428	97,774	
2	Chi khoa học và công nghệ				
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
V	Dự phòng	2.095.000.000	140.740.000		
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	20.983.157.680	12.260.157.980	58,429	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	20.983.157.680	12.260.157.980	58,429	
1	Chương trình nông thôn mới	2.842.000.000	1.426.879.200	50,207	
	+ Xây dựng cơ bản				
	+Thường xuyên	2.842.000.000	1.426.879.200	50,207	
2	Chương trình giảm nghèo bền vững	1.929.586.000	1.156.338.000	59,927	
	+ Xây dựng cơ bản				
	+Thường xuyên	2.311.000.000	1.156.338.000	50,036	
3	Chương trình phát triển vùng DTTS	16.211.571.680	9.676.940.780	59,692	
	+ Xây dựng cơ bản	6.077.571.000	4.926.552.000	81,061	
	+Thường xuyên	10.134.000.680	4.750.388.780	46,876	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
1	Xây dựng cơ bản (chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh)				
2	Thường xuyên				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		16.188.236.059		
D	CHI BỔ SUNG NS CẤP DƯỚI				
E	CHI NỘP NS CẤP TRÊN		18.550.000		

1.954.260.000



BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Châu Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So Sánh (%)	
				Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	Tổng A+B+C+D				
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ	129.183.586.266	130.038.704.099	855.117.833	100,66
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	129.183.586.266	113.831.918.040	-15.351.668.226	88,12
I	Chi đầu tư phát triển	6.077.571.000	4.926.552.000	-1.151.019.000	81,06
1	Chi đầu tư cho các dự án				
-	Chi quốc phòng				
-	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội				
-	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
-	Chi khoa học, công nghệ				
-	Chi y tế, dân số và gia đình				
-	Chi văn hoá thông tin				
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
-	Chi thể dục thể thao				
-	Chi bảo vệ môi trường				
-	Chi các hoạt động kinh tế	6.077.571.000	4.926.552.000	-1.151.019.000	81,06
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước,				
-	Chi bảo đảm xã hội				
-	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp				
3	Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp				
II	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	123.106.015.266	108.905.366.040	-14.200.649.226	88,46
-	Chi quốc phòng	1.334.307.000	883.476.800	-450.830.200	66,21
-	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1.251.893.000	1.216.588.300	-35.304.700	97,18
-	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	53.236.353.100	52.519.298.028	-717.055.072	98,65
-	Chi khoa học, công nghệ				
-	Chi y tế, dân số và gia đình	2.561.102.686	2.561.102.686		100,00
-	Chi văn hoá thông tin	1.252.000.000	628.696.700	-623.303.300	50,22
-	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
-	Chi thể dục thể thao	188.480.000	170.605.000	-17.875.000	90,52
-	Chi bảo vệ môi trường	1.716.000.000	1.122.000.000	-594.000.000	65,38
-	Chi các hoạt động kinh tế	14.773.329.680	6.255.175.675	-8.518.154.005	42,34
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	43.984.399.800	41.070.570.351	-2.913.829.449	93,38
-	Chi đảm bảo xã hội	2.808.150.000	2.477.852.500	-330.297.500	88,24
-	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật				0
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
V	Dự phòng NSNN				
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN		16.188.236.059		
D	Chi nộp ngân sách cấp trên		18.550.000	18.550.000	

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Châu Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán												Quyết toán																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
		Trong đó			Giảm ngân sách vùng			Xây dựng nông thôn mới			Phát triển KT - XH vùng DTTS			Trong đó			Giảm ngân sách vùng			Xây dựng nông thôn mới			Phát triển KT - XH vùng DTTS																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25-31	32-44	45-53	54-64	65-75	76-84	85-97	98-104	105-113	114-120	121-129	130-138	139-147	148-156	157-165	166-174	175-183	184-192	193-201	202-210	211-219	220-228	229-237	238-246	247-255	256-264	265-273	274-282	283-291	292-300	301-309	310-318	319-327	328-336	337-345	346-354	355-363	364-372	373-381	382-390	391-399	400-408	409-417	418-426	427-435	436-444	445-453	454-462	463-471	472-480	481-489	490-498	499-507	508-516	517-525	526-534	535-543	544-552	553-561	562-570	571-579	580-588	589-597	598-606	607-615	616-624	625-633	634-642	643-651	652-660	661-669	670-678	679-687	688-696	697-705	706-714	715-723	724-732	733-741	742-750	751-759	760-768	769-777	778-786	787-795	796-804	805-813	814-822	823-831	832-840	841-849	850-858	859-867	868-876	877-885	886-894	895-903	904-912	913-921	922-930	931-939	940-948	949-957	958-966	967-975	976-984	985-993	994-1002	1003-1011	1012-1020	1021-1029	1030-1038	1039-1047	1048-1056	1057-1065	1066-1074	1075-1083	1084-1092	1093-1101	1102-1110	1111-1119	1120-1128	1129-1137	1138-1146	1147-1155	1156-1164	1165-1173	1174-1182	1183-1191	1192-1200	1201-1209	1210-1218	1219-1227	1228-1236	1237-1245	1246-1254	1255-1263	1264-1272	1273-1281	1282-1290	1291-1299	1300-1308	1309-1317	1318-1326	1327-1335	1336-1344	1345-1353	1354-1362	1363-1371	1372-1380	1381-1389	1390-1398	1399-1407	1408-1416	1417-1425	1426-1434	1435-1443	1444-1452	1453-1461	1462-1470	1471-1479	1480-1488	1489-1497	1498-1506	1507-1515	1516-1524	1525-1533	1534-1542	1543-1551	1552-1560	1561-1569	1570-1578	1579-1587	1588-1596	1597-1605	1606-1614	1615-1623	1624-1632	1633-1641	1642-1650	1651-1659	1660-1668	1669-1677	1678-1686	1687-1695	1696-1704	1705-1713	1714-1722	1723-1731	1732-1740	1741-1749	1750-1758	1759-1767	1768-1776	1777-1785	1786-1794	1795-1803	1804-1812	1813-1821	1822-1830	1831-1839	1840-1848	1849-1857	1858-1866	1867-1875	1876-1884	1885-1893	1894-1902	1903-1911	1912-1920	1921-1929	1930-1938	1939-1947	1948-1956	1957-1965	1966-1974	1975-1983	1984-1992	1993-2001	2002-2010	2011-2019	2020-2028	2029-2037	2038-2046	2047-2055	2056-2064	2065-2073	2074-2082	2083-2091	2092-2100	2101-2109	2110-2118	2119-2127	2128-2136	2137-2145	2146-2154	2155-2163	2164-2172	2173-2181	2182-2190	2191-2199	2200-2208	2209-2217	2218-2226	2227-2235	2236-2244	2245-2253	2254-2262	2263-2271	2272-2280	2281-2289	2290-2298	2299-2307	2308-2316	2317-2325	2326-2334	2335-2343	2344-2352	2353-2361	2362-2370	2371-2379	2380-2388	2389-2397	2398-2406	2407-2415	2416-2424	2425-2433	2434-2442	2443-2451	2452-2460	2461-2469	2470-2478	2479-2487	2488-2496	2497-2505	2506-2514	2515-2523	2524-2532	2533-2541	2542-2550	2551-2559	2560-2568	2569-2577	2578-2586	2587-2595	2596-2604	2605-2613	2614-2622	2623-2631	2632-2640	2641-2649	2650-2658	2659-2667	2668-2676	2677-2685	2686-2694	2695-2703	2704-2712	2713-2721	2722-2730	2731-2739	2740-2748	2749-2757	2758-2766	2767-2775	2776-2784	2785-2793	2794-2802	2803-2811	2812-2820	2821-2829	2830-2838	2839-2847	2848-2856	2857-2865	2866-2874	2875-2883	2884-2892	2893-2901	2902-2910	2911-2919	2920-2928	2929-2937	2938-2946	2947-2955	2956-2964	2965-2973	2974-2982	2983-2991	2992-3000	3001-3009	3010-3018	3019-3027	3028-3036	3037-3045	3046-3054	3055-3063	3064-3072	3073-3081	3082-3090	3091-3099	3100-3108	3109-3117	3118-3126	3127-3135	3136-3144	3145-3153	3154-3162	3163-3171	3172-3180	3181-3189	3190-3198	3199-3207	3208-3216	3217-3225	3226-3234	3235-3243	3244-3252	3253-3261	3262-3270	3271-3279	3280-3288	3289-3297	3298-3306	3307-3315	3316-3324	3325-3333	3334-3342	3343-3351	3352-3360	3361-3369	3370-3378	3379-3387	3388-3396	3397-3405	3406-3414	3415-3423	3424-3432	3433-3441	3442-3450	3451-3459	3460-3468	3469-3477	3478-3486	3487-3495	3496-3504	3505-3513	3514-3522	3523-3531	3532-3540	3541-3549	3550-3558	3559-3567	3568-3576	3577-3585	3586-3594	3595-3603	3604-3612	3613-3621	3622-3630	3631-3639	3640-3648	3649-3657	3658-3666	3667-3675	3676-3684	3685-3693	3694-3702	3703-3711	3712-3720	3721-3729	3730-3738	3739-3747	3748-3756	3757-3765	3766-3774	3775-3783	3784-3792	3793-3801	3802-3810	3811-3819	3820-3828	3829-3837	3838-3846	3847-3855	3856-3864	3865-3873	3874-3882	3883-3891	3892-3900	3901-3909	3910-3918	3919-3927	3928-3936	3937-3945	3946-3954	3955-3963	3964-3972	3973-3981	3982-3990	3991-3999	4000-4008	4009-4017	4018-4026	4027-4035	4036-4044	4045-4053	4054-4062	4063-4071	4072-4080	4081-4089	4090-4098	4099-4107	4108-4116	4117-4125	4126-4134	4135-4143	4144-4152	4153-4161	4162-4170	4171-4179	4180-4188	4189-4197	4198-4206	4207-4215	4216-4224	4225-4233	4234-4242	4243-4251	4252-4260	4261-4269	4270-4278	4279-4287	4288-4296	4297-4305	4306-4314	4315-4323	4324-4332	4333-4341	4342-4350	4351-4359	4360-4368	4369-4377	4378-4386	4387-4395	4396-4404	4405-4413	4414-4422	4423-4431	4432-4440	4441-4449	4450-4458	4459-4467	4468-4476	4477-4485	4486-4494	4495-4503	4504-4512	4513-4521	4522-4530	4531-4539	4540-4548	4549-4557	4558-4566	4567-4575	4576-4584	4585-4593	4594-4602	4603-4611	4612-4620	4621-4629	4630-4638	4639-4647	4648-4656	4657-4665	4666-4674	4675-4683	4684-4692	4693-4701	4702-4710	4711-4719	4720-4728	4729-4737	4738-4746	4747-4755	4756-4764	4765-4773	4774-4782	4783-4791	4792-4800	4801-4809	4810-4818	4819-4827	4828-4836	4837-4845	4846-4854	4855-4863	4864-4872	4873-4881	4882-4890	4891-4899	4900-4908	4909-4917	4918-4926	4927-4935	4936-4944	4945-4953	4954-4962	4963-4971	4972-4980	4981-4989	4990-4998	4999-5007	5008-5016	5017-5025	5026-5034	5035-5043	5044-5052	5053-5061	5062-5070	5071-5079	5080-5088	5089-5097	5098-5106	5107-5115	5116-5124	5125-5133	5134-5142	5143-5151	5152-5160	5161-5169	5170-5178	5179-5187	5188-5196	5197-5205	5206-5214	5215-5223	5224-5232	5233-5241	5242-5250	5251-5259	5260-5268	5269-5277	5278-5286	5287-5295	5296-5304	5305-5313	5314-5322	5323-5331	5332-5340	5341-5349	5350-5358	5359-5367	5368-5376	5377-5385	5386-5394	5395-5403	5404-5412	5413-5421	5422-5430	5431-5439	5440-5448	5449-5457	5458-5466	5467-5475	5476-5484	5485-5493	5494-5502	5503-5511	5512-5520	5521-5529	5530-5538	5539-5547	5548-5556	5557-5565	5566-5574	5575-5583	5584-5592	5593-5601	5602-5610	5611-5619	5620-5628	5629-5637	5638-5646	5647-5655	5656-5664	5665-5673	5674-5682	5683-5691	5692-5700	5701-5709	5710-5718	5719-5727	5728-5736	5737-5745	5746-5754	5755-5763	5764-5772	5773-5781	5782-5790	5791-5799	5800-5808	5809-5817	5818-5826	5827-5835	5836-5844	5845-5853	5854-5862	5863-5871	5872-5880	5881-5889	5890-5898	5899-5907	5908-5916	5917-5925	5926-5934	5935-5943	5944-5952	5953-5961	5962-5970	5971-5979	5980-5988	5989-5997	5998-6006	6007-6015	6016-6024	6025-6033	6034-6042	6043-6051	6052-6060	6061-6069	6070-6078	6079-6087	6088-6096	6097-6105	6106-6114	6115-6123	6124-6132	6133-6141	6142-6150	6151-6159	6160-6168	6169-6177	6178-6186	6187-6195	6196-6204	6205-6213	6214-6222	6223-6231	6232-6240	6241-6249	6250-6258	6259-6267	6268-6276	6277-6285	6286-6294	6295-6303	6304-6312	6313-6321	6322-6330	6331-6339	6340-6348	6349-6357	6358-6366	6367-6375	6376-6384	6385-6393	6394-6402	6403-6411	6412-6420	6421-6429	6430-6438	6439-6447	6448-6456	6457-6465	6466-6474	6475-6483	6484-6492	6493-6501	6502-6510	6511-6519	6520-6528	6529-6537	6538-6546	6547-6555	6556-6564	6565-6573	6574-6582	6583-6591	6592-6600	6601-6609	6610-6618	6619-6627	6628-6636	6637-6645	6646-6654	6655-6663	6664-6672	6673-6681	6682-6690	6691-6699	6700-6708	6709-6717	6718-6726	6727-6735	6736-6744	6745-6753	6754-6762	6763-6771	6772-6780	6781-6789	6790-6798	6799-6807	6808-6816	6817-6825	6826-6834	6835-6843	6844-6852	6853-6861	6862-6870	6871-6879	6880-6888	6889-6897	6898-6906	6907-6915	6916-6924	6925-6933	6934-6942	6943-6951	6952-6960	6961-6969	6970-6978	6979-6987	6988-6996	6997-7005	7006-7014	7015-7023	7024-7032	7033-7041	7042-7050	7051-7059	7060-7068	7069-7077	7078-7086